

Bản án số: 28/2020/HS-PT
Ngày: 27-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương D - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Phạm T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo: Phạm T, sinh năm 1962 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Ấp 6, xã T1, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T2 (chết) và bà Nguyễn Thị T3 (chết); vợ tên Trần Thị H, sinh năm 1970 (đã ly hôn năm 2018); có 02 người con sinh năm 1995 và 1999; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 31/7/1984, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội “Hiếp dâm” và tội “Cướp tài sản của công dân”, ngày 30/8/1988 được tha tù trước thời hạn.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm T: Ông Nguyễn Văn T4 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Sài Gòn Việt thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong vụ án còn có 01 bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tháng 8 năm 2018, ông Đào D xây dựng trại chăn nuôi heo tại Ấp P1, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Tháng 01 năm 2019, ông D thuê Phạm T trông coi trại heo cho ông D, theo thỏa thuận mỗi tháng ông D trả cho Phạm T 6.000.000 đồng. Khoảng giữa tháng 3 năm 2019, do không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Phạm T đã bán phần mái tôn, sắt, thép của trại heo cho ông Nguyễn Văn Đ3 - chủ tiệm phế liệu Đ3 thuộc ấp C, xã T6, huyện B, tỉnh Bình Dương với giá 60.000.000 đồng. Ngày 21/3/2019 đến ngày 24/3/2019, ông Đ3 đến tháo dỡ toàn bộ phần mái của trại heo và vận chuyển về tiệm phế liệu của ông Đ3. Ngày 26/3/2019, bà Trần Thị H (mẹ vợ của ông D) đến trại heo để kiểm tra thì phát hiện toàn bộ phần mái của trại heo bị tháo dỡ hoàn toàn. Sau đó, bà Hằng trình báo Công an xã A giải quyết. Ngày 29/3/2019, ông Đào D làm đơn tố giác Phạm T về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Kết luận định giá tài sản ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận:

Tôn lạnh, màu xanh ngọc, kích thước (1,1 x 4,7)m số lượng 210 tấm có giá trị 94.752.000 đồng.

Thép hộp mạ kẽm, kích thước (30 x 60)mm; 1,4 ly, dài 440m có giá trị 16.544.000 đồng.

Sắt V5 đen dài 913,6m có giá trị 31.976.000 đồng.

Sắt V4 đen dài 317,6m có giá trị 6.881.300 đồng.

Tổng giá trị tài sản Phạm T chiếm đoạt là 150.153.300 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Phạm T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Phạm T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, bị cáo Phạm T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Phạm T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày nội dung bào chữa: do bị cáo bị người khác đòi nợ nên bị cáo đã có hành vi bán tài sản của người khác để lấy tiền trả nợ. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo 01 năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Phạm T nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm T đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: bị cáo Phạm T được ông Đào D thuê trông coi trại heo tại Ấp P1, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nhưng do không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên giữa tháng 3 năm 2019, bị cáo đã bán toàn bộ phần mái tôn, sắt, thép của trại heo cho ông Nguyễn Văn Đ3. Tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt là 150.153.300 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo T nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của công dân là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, bị cáo đã bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm T, Hội đồng xét xử xét thấy: tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn 150.153.300 đồng; bị cáo còn có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt 08 năm tù về tội “Hiếp dâm” và tội “Cướp tài sản của công dân” nhưng mức hình phạt đó vẫn chưa đủ sức dằn dè, giáo dục đối với bị cáo, chưa giúp bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình mà bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội

thể hiện ý thức xem thường pháp luật, bất chấp mọi hậu quả xảy ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù, mới ở gần mức đầu của khung hình phạt là không nặng nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã có những sai sót như sau:

Bị hại Đào D ủy quyền cho bà Trần Thị H tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện P nhưng không nêu rõ ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án nào (bút lục số 27).

Bị hại Đào D khai: tài sản bị cáo chiếm đoạt là do vợ chồng bị hại dành dụm tiền để mua nhưng cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai đối với vợ của ông D là bà Trần Phạm Thị Thảo. Nếu tài sản bị chiếm đoạt là của vợ chồng bị hại thì phải đưa bà Thảo vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị hại, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đào D là bản phô tô nên không có giá trị pháp lý.

Những sai sót nêu trên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị giảm cho bị cáo 01 năm tù là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[8] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Phạm T phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị

cáo Phạm T 03 (ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Phạm T phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Lê Quân Vương

Trương Văn Lộc

Bùi Ngọc Thạch

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng PV06 Công an tỉnh BD;
- Công an huyện P;

1
2
1
1
1
1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Trại Tạm giam Công an tỉnh BD;	1
- Bị cáo;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu: HSVA, Tòa HS.	2

Bùi Ngọc Thạch